

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 26

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Phở thịt gà, hoa hòe, su su, bí ngòi, xà lách xoăn, húng quế, ngò gai
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá thu chiên sốt chua ngọt (cà chua, hành tây, hành baro)
- Canh bắp cải trái tim nấu thịt heo, hành lá, ngò rí
Xế: Đu đủ chín
Xế chiều: Nui vàng nấu tôm tươi, cải dúng, khoai tây, nấm bào ngư, hành phi, hành ngò

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	500	3,140	15,700
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
4	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
5	0004	Gạo tẻ máy	2,000	2,560	51,200
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	8,400	8,400
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,930	4,465
8	0739	Quế	10	61,600	6,160
9	0180	Su su	200	4,100	8,200
10	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bản)	200	7,560	15,120
11	0172	Rau xà lách	100	9,140	9,140
12	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	50	6,510	3,255
13	0158	Rau húng	50	12,920	6,460
14	0645	Bánh phở khô	300	8,800	26,400
15	N0772	Thịt ức gà	300	12,920	38,760
16	0087	Cà chua	400	7,670	30,680
17	0186	Tỏi tây (cà lá)	100	8,610	8,610
18	0121	Hành tây	100	3,570	3,570
19	0399	Cá thu	1,000	33,600	336,000
20	N0770	Thịt nạc dăm	300	17,850	53,550
21	0229	Đu đủ chín	1,000	4,200	42,000
22	0750	Nui	400	3,060	12,240
23	0716	Cải dúng (nhúng)	100	6,300	6,300
24	0037	Khoai tây	200	3,990	7,980
25	N0778	Nấm bào ngư	100	13,130	13,130

26	0424	Tôm sú	300	30,980	92,940
27	0457	Sữa bột toàn phần	471.51	20,500	96,660
28	0092	Cải bắp	700	6,720	47,040
Tổng cộng					962,000

Tổng tiền thực phẩm	962,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	961,999
Số dư đầu ngày	-1
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	23,347,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	23,347,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan